

Khi nghiên cứu và phân loại các nền văn hoá và văn hoá $\square$ ng x $\square$, các nhà nghiên cứu đã phân chia các xã hội thành những xã hội thiên về giao tiếp hay xa cách, thiên về bình đẳng hay bất bình đẳng... Một khía cạnh khác của quan hệ giữa cá nhân và cá nhân cũng được quan tâm tìm hiểu, đó là mối quan hệ liên $\square$ ng hay xung đột, cho phép phân định các xã hội tu theo xu hướng của xã hội đó thiên về quan hệ liên $\square$ ng (éthos consensuel) hay quan hệ xung đột (éthos confrontationnel). Trong bài viết này chúng tôi tìm hiểu xem tộc ngữ ca dao (TNCD) của Pháp và Việt Nam thể hiện thiên hướng của văn hoá mình như thế nào trên trục đối lập liên $\square$ ng - xung đột (consensus - conflit) này.

Đối lập giữa quan hệ liên $\square$ ng và quan hệ xung đột

Tất nhiên, trong mỗi xã hội, phải có một mức độ tương đồng giữa người với người giao tiếp và ngược lại khác biệt, thì giao tiếp mới có thể diễn ra. Nhưng tương đồng đến mức nào là hợp lý, thì tu theo hướng của tương đồng văn hoá mà mức độ này biến đổi rõ rệt [C. Kerbrat-Orecchioni 1994 : tr. 83-84].

Đối với các nền văn hoá thiên về quan hệ liên $\square$ ng, tha giác (empathie) có giá trị tuy nhiên, và con người luôn tìm cách hoà hợp với kẻ khác và tránh xung đột bằng mọi cách có thể. Họ có xu hướng tăng đến mức tối đa các điểm giao nhau và giảm đến mức tối thiểu những điểm khác biệt. Ở mức độ lý tưởng nhất, con người luôn nhút nhát, thụt lùi chỉ đến mức độ tương đồng hoá với nhau. Nhưng biểu hiện thực tế là : các từ cấm trong nói năng, như cấm, vì tránh nói "không", vì che giấu sự bất đồng, cách nói gián tiếp, vòng vèo. Theo C. Kerbrat-Orecchioni, người Nhật là một thí dụ điển hình cho xu hướng này.

Thật xem xét thói quen $\square$ ng x $\square$ của người Việt Nam thể hiện qua TNCD, ta thấy quy tắc ứng xử Việt Nam chúng ta đánh giá rất cao sự hoà hợp trong giao tiếp, người ca sự hoà thuận êm êm, và chế độ, lên án sự đối đầu, xung đột: "Trong $\square$ m, ngoài êm"; "C $\square$ m lành canh ng $\square$ t"; "M $\square$ t s $\square$ nh $\square$ n b $\square$ ng chín s $\square$ lành"; "Thu $\square$ n v $\square$ thu $\square$ n ch $\square$ ng tất b $\square$ n đông cũng c $\square$ n"; "Nh $\square$ t s $\square$ thu $\square$ n, v $\square$ n s $\square$ lành"; "Trên kính d $\square$ i nh $\square$ ng"; "T $\square$ h $\square$ i giai huynh đệ" (B $\square$ n b $\square$ đ $\square$ u là anh em); "Đ $\square$ u chày nói có, cu $\square$ i chày nói không"; "K $\square$ nói đ $\square$ n, ng $\square$ i nói k $\square$ p"; "Tr $\square$ ng đánh xuôi, k $\square$ n th $\square$ i ng $\square$ c"; "B $\square$ nh con, lon xon m $\square$ ng ng $\square$ i"; "V $\square$ tr $\square$ con, m $\square$ t lòng ng $\square$ i l $\square$ n". Sự hoà thuận êm êm đó có được chính là do nếp sống và thói quen của con người, bởi thế tục và con người thường có tính phổ biến và đa dạng: "Bá nhân, bá khẩu"; "Ch $\square$ ng bát còn có khi xô"; "Bát đĩa còn có khi ch $\square$ m nhau".

Kính nghiệm và nghe thu $\square$ t $\square$ ng x $\square$ sao cho thu $\square$ n th $\square$ o cũng đã được đúc kết và lưu truyền trong

dân gian: "Râu tôm n u v i ru t b u - Ch ng chan v húp g t đ u khen ngon"; "Ch em trên kính d i nh ng - Là nhà có phúc m i đ ng yên vui"; "Đ a nhau ra tr c c a quan - Bên ngoài là lý bên trong là tình"; "M t b cái lý không b ng m t tí cái tình"; "Tranh quy n c p n c gì đây - Coi nhau nh bát n c đ y là h n"; "Đ t ch ng ch u tr i, tr i ph i ch u đ t". Có khi kinh nghiệm m ch nh c đ n s c g ng c a "ng i d i" (v , con dâu) so v i "b trên" (ch ng, m ch ng): "Ch ng gi n thì v b t i - C m sôi nh l a m t đ i không khê"; "T khi em v làm dâu, Thì anh d n b o tr c sau m t i: M già d l m em i! Nh n ăn, nh n m c, nh n l i m cha. Nh n cho nên c a nên nhà, Nên kèo, nên c t, nên xà t m vông.". Cũng có th nói, trong s nh ng bi n pháp đ c v n đ ng đ gi không khí đ ng thu n, có n l c tăng c ng nh ng đ i m gi ng nhau và gi m thi u nh ng đ i m khác bi t: "Đi v i b t m c áo cà sa - Đi v i ma m c áo gi y"; " b u thì tròn, ng thì dài"; "Lòng v cũng nh lòng sung". Tr ng h p không đ ng nh t ý ki n ho c m t bên t ra nóng n y, thì ng i kia c n có thái đ dung hoà, không bày t ý ki n ch ng đ i m t cách tr c ti p mà s đ ng nh ng bi n pháp gi m nh hay gián ti p: "L t m m bu c ch t"; "Già néo đ t dây"; "Ch ng gi n thì v làm lành - Mi ng c i chum chim r ng anh gi n gì"; "C m sôi c l a thì trào".

So v i nh ng n n văn hoá thiên v quan h liên ng, các n n văn hoá thiên v quan h xung đ t t ra ch u đ ng t t h n, th m chí khoan dung h n, đ i v i nh ng giao ti p có tính xung đ t. Đi u này xu t phát t quan ni m cho r ng m i cá nhân đ u có nhu c u và quy n t kh ng đ nh, và khi c n thi t thì có th đ i đ u v i ng i khác. Bi u hi n cho xu h ng này có th là: cách nói th ng, tr c ti p, và có th xung đ t trong ph m vi nh ng m i quan h thân thu c. Con ng i thu c các n n văn hoá này yêu thích s b t đ ng : đ i v i h , giao ti p không nh m m c đích hu ng đ n s nh t trí, và tình tr ng b t đ ng đ c duy trì m t cách có h th ng và th ng đ c a chu ng.

Theo C. Kerbrat-Orecchioni, văn hoá Pháp thu c v lo i văn hoá th hai này. Đ i v i h , s đ ng tình, nh t trí b đánh giá là quá m m y u, quá "nhũn". Đ i tho i d dàng chuy n thành tranh lu n, ng i ta phát bi u v i t cách là "cái tôi" m t cách rõ r t, và v i nh ng ý ki n ch ng đ i, trái ng c nhau. Không nh ng ng i Pháp thiên v quan h xung đ t, mà h còn c m th y vui thú khi tham d vào nh ng cu c đ i đ u nh th .

Qu th t, đ i v i ng i Pháp, trong cu c s ng nói chung tình tr ng hoà bình ch là t m th i, và s xung đ t, đ i đ u m i là vĩnh c u: "Les hommes ne vivraient pas longtemps en société, s'ils n'étaient dupes les uns des autres" (Con ng i s không s ng lâu trong xã h i, n u h không b l a b p l n nhau); "En politique comme en amour, il n'y a point de traités de paix, ce ne sont que des trêves" (V m t chính tr cũng nh trong tình yêu, không có hi p c hoà bình, mà ch có đình chi n). ng x đ c đ cao trong giao ti p và nói năng là thái đ th ng th n: "Il faut qu'une porte soit ouverte ou fermée" (M t cánh c a ph i ho c m ho c đóng = Không đ c n a ch ng).

Thái độ thông thường đó vốn có gì lạ, bởi vì không phải bao giờ cũng nên nói và nói hết sự thật: "Il n'est permis d'affirmer qu'en géométrie" (Chỉ trong lĩnh vực hình học mới được phép khẳng định); "La dissimulation est un effort de la raison, bien loin d'être un vice de la nature" (Giả vờ là một nỗ lực của lý trí, còn xa lắm là một thói xấu của tự nhiên); "Le plus sage se tait" (Người khôn ngoan nhất thì im lặng). Nhưng xu hướng thông thường vốn là thái độ thiên vị xung đột, xem xung đột là điều hợp quy luật, không tránh được, dường như nhiên phải có giữa người và người: "Deux gloutons ne s'accordent pas à une même assiette" (Hai con chó thông không thể ngồi ăn cùng một đĩa); "Deux chiens à un os ne s'accordent" (Hai con chó không thể ngồi ăn cùng một khúc xương); "Il n'y a deux crabes mâles dans un même trou" (Trong cùng một lỗ không (thì) có hai con cua đực = Hai tính cách mạnh không thể hợp tác trong cùng một công việc); "Il vaut mieux être marteau qu'enclume" (Làm búa tốt hơn là làm đe: Tốt công tốt hơn là bị công); "Le monde est un vaste temple dédié à la Discorde" (Voltaire) (Thế giới là một ngôi đền bao la cúng hiến cho Sự Bất hòa); "On ne peut ménager la chèvre et le chou" (Không thể vừa khéo léo vừa cả cừu lẫn dê = Không thể làm mọi người hài lòng). Mọi cá nhân đều có quy tắc có (và nên có) những ý kiến riêng của bản thân: "Chacun voit avec ses lunettes" (Mọi người nhìn thấy qua đôi kính của mình = Mọi người nghĩ theo một cách riêng); "Des goûts et des couleurs, on n'en discute pas" (Không thể tranh luận về khẩu vị và màu sắc = Mọi người đều có những ý thích, sở thích riêng, khác với những người khác); "Autant de têtes autant d'avis" (Bao nhiêu cái đầu, bấy nhiêu ý kiến).

Đặc biệt, người Pháp thích tìm thấy thú vui trong việc cãi nhau, tranh luận, mà mục tiêu cùng không phải là đi đến chỗ thông minh tuyệt đối: "Le plaisir des disputes, c'est se faire la paix" (Thú vui của sự cãi cọ là khi làm lành với nhau); "Contredire, c'est souvent frapper à la porte pour savoir s'il y a quelqu'un à la maison" (Nói ngược lại là gõ vào cánh cửa để biết trong nhà có ai không); "Qui ne nourrit pas le chat nourrit le rat" (Kẻ nào không nuôi mèo thì lại nuôi chuột); "De la discussion jaillit la lumière" (Ánh sáng loé lên từ tranh luận = Những ý tưởng mới, hay chân lý, dường như sinh từ sự đối đầu của những ý kiến khác nhau hay trái ngược nhau); "Fort est qui abat, plus fort est qui se relève" (Kẻ thua công là kẻ mạnh, kẻ nhụt dũng còn mạnh hơn); "Toute discussion porte profit" (Mọi cuộc tranh luận đều có lợi); "La discussion réveille l'objection et tout finit dans le doute" (Tranh luận khơi dậy lý lẽ phản bác, và tất cả kết thúc trong nghi ngờ); "Le but de la discussion ne doit pas être la victoire, mais l'amélioration" (Tranh luận không được nhằm đến mục đích là chiến thắng, mà là cải thiện).

Những biện pháp giao tiếp xung đột

Chúng ta sẽ tìm thấy những xung đột trong giao tiếp diễn ra cho mọi nền văn hóa mà tôi sẽ nêu sau:

(1) Thế nh^ư thế, có nh^ư ng ph^o ng th^o c nào đ^ể tránh xung đ^ố t, hay đ^ể gi^ữ i quy^ề t xung đ^ố t khi nó đã n^h ra ? T^h t c^ó các c^ó ng đ^ể ng ng^o i đ^ể u xây đ^ể ng nh^ư ng trình t^h có tính nghi th^o c đ^ể gi^ữ i quy^ề t xung đ^ố t, c^ó nh^ư ng xung đ^ố t cá nhân l^à n nh^ư ng xung đ^ố t thi^ế t ch^o, b^ê i vì m^à i xung đ^ố t đ^ể u t^h o nguy c^ó không nh^ư ng cho nh^ư ng cá nhân tr^ở c t^h p xung đ^ố t, mà cho c^ó toàn xã h^o i. Do đó xã h^o i có trách nhi^ệ m đ^ể i v^ì i xung đ^ố t đó, "x^o lý" nó ^ở ph^o m vi công c^ó ng, b^ê ng cách nào đó lo^à i tr^ở tai ho^à đang có nguy c^ó làm b^ê i ho^à i toàn xã h^o i, ch^o ng h^o n b^ê ng cách c^ó nh^ư ng ng^o i trung gian làm nhi^ệ m v^ì gi^ữ ng hoà.

(2) M^à t v^à n đ^ể khác liên quan đ^ể n xung đ^ố t là nh^ư ng m^à i quan h^o gi^ữ a xung đ^ố t và ngôn ng^ữ c^ó t đùa. Nh^ư ng m^à i quan h^o này đ^ể c quan ni^ệ m r^o t khác nhau t^h n^h n văn hoá này sang n^h n văn hoá khác. Nói đùa có th^o ^ở n^h i này đ^ể c ch^o p nh^ư n, th^o m chí khuy^ể n khích, nh^ư ng ^ở n^h i khác l^à i b^ê c^ó m đoán. Cũng có nh^ư ng n^h n văn hoá ch^o p nh^ư n nh^ư ng l^à i c^ó t đùa trong ph^o m vi quan h^o thân thu^ộ c.

Nh^ư đã trình bày ^ở trên, trong văn hoá **Âng X** **C** **a ng** **Việt** Nam, xu h^o ng nói chung là h^o t s^o c g^{ìn} gi^ữ s^o hoà thu^ộ n và tránh đ^ể n m^à c t^h i đa m^à i kh^o năng gây xung đ^ố t, b^ê ng nh^ư ng ph^o ng cách đ^ể c v^à n đ^ể ng đ^ể g^{ìn} gi^ữ m^à i quan h^o liên ^ở ng, mà nhân dân **Việt** Nam đã đúc k^ế t trong TNCD c^ó a mình. ^ở đây, nhi^ệ m v^à còn l^à i c^ó a chúng ta là xem xét nh^ư ng bi^ệ n pháp gi^ữ i quy^ề t xung đ^ố t riêng v^à ph^o iá ng^o i Pháp. V^à i xu h^o ng yêu thích đ^ể i đ^ể u, th^o m chí tìm th^o y s^o vui thú trong xung đ^ố t nh^ư th^o, ng^o i Pháp có nh^ư ng bi^ệ n pháp nào đ^ể gi^ữ i quy^ề t xung đ^ố t và tránh nh^ư ng h^o u qu^á đáng ti^ệ c cho cá nhân và toàn xã h^o i?

Tr^ở c tiên, m^à t s^o t^h c ng^o Pháp có đ^ể c^ó p đ^ể n nh^ư ng nguyên nhân có th^o gây xung đ^ố t, dù đó không ph^o i là nh^ư ng nguyên nhân duy nh^ư t: "De mauvais contrat, longue dispute" (Giao kèo kém thì cãi c^ó lâu); "Deux coqs vivaient en paix; survint une poule..." (Hai chú gà tr^ở ng đang s^o ng yên lành; b^ê ng xu^{ất} hi^ệ n m^à t ^ở gà mái...); "La dernière goutte d'eau est celle qui fait déborder le vase" (Gi^ữ t nu^ế c cu^ố i cùng chính là gi^ữ t làm tràn bình nu^ế c = Khi con ng^o i b^ê đ^ể n n^h n quá m^à c, ch^o m^à t v^à c nh^ư không quan tr^ở ng cũng có th^o t^h o s^o thay đ^ể i đ^ể t ng^o t). Cũng có th^o k^ế ra đây m^à t câu châm ngôn c^ó a Corneille, nhà v^à t k^ế ch Pháp th^o k^ế XVII: "Jamais un envieux ne pardonne un mérite" (Không bao gi^ữ k^ế đ^ể k^ế l^à i tha th^o cho m^à t công tr^ở ng).

T^h c ng^o Pháp cũng cho th^o y, đ^ể tránh gây ra xung đ^ố t, đ^ể i v^à i ng^o i Pháp ph^o i tuy^ề t đ^ể i không làm t^h n th^o ng hay xâm ph^o m tài s^o n c^ó a ng^o i khác: "Il ne faut pas clocher devant les boiteux" (Ch^o đi kh^o p khi ng tr^ở c m^à t ng^o i qu^á); "L'on ne doit pas mettre la faux en autrui blé" (Ch^o cho l^à i l^à i m vào v^à t lúa ng^o i = không đ^ể c xâm ph^o m vào c^ó a c^ó i c^ó a k^ế khác). Ngoài ra, thái đ^ể khôn ngoan là không ch^o p nh^ư t tr^ở c nh^ư ng l^à i l^à không x^o ng đáng, không xen vào nh^ư ng xung đ^ố t c^ó a nh^ư ng ng^o i khác, và đ^ể c bi^ệ t là c^ó n tránh nh^ư ng xung đ^ố t có th^o gây tác h^o i cho quy^ề n l^à i riêng: "À paroles lourdes, oreilles sourdes." (V^à i l^à i n^h ng n^h, thì tai c^ó

đi□ c); "À coup de langue, écu d'oreille" (L□□ i t□ n công, tai làm khiên đ□ = Nên b□ ngoài tai nh□ ng □□ i x□ u); "À sottte demande, il ne faut point de réponse" (V□ i nh□ ng đòi h□ i ngu ng□ c thì ch□ tr□ □□ i); "Il ne faut pas mettre le doigt entre l'arbre et l'écorce" (= Ch□ đ□ t ngón tay vào gi□ a thân cây và v□ cây = Không đ□□ c can thi□ p vào nh□ ng cu□ c cǎi vǎ c□ a thiên h□); "Entre l'enclume et le marteau, il ne faut pas mettre le doigt." (Ch□ đ□ t tay vào gi□ a đe và búa); "Qui veut vivre à Rome ne doit pas se quereller avec le Pape" (K□ nào mu□ n s□ ng □ La Mã thì không đ□□ c gây chuy□ n v□ i Giáo hoàng). V□ i nh□ ng ng□□ i đã trót sai □ m nh□ ng có thi□ n chí nh□ n □ i và s□ a ch□ a, thì c□ n có thái đ□ bao dung đ□ □□ ng tha th□ : "Dieu ne veut pas la mort du pécheur" (Trích trong Kinh thánh: Chúa không mu□ n k□ có t□ i ph□ i ch□ t); "Faute avouée est à moitié pardonnée" (T□ i □□ i đã thú thì đ□□ c tha th□ phân n□ a); "À tout pécheur miséricorde" (C□ n khoan dung v□ i m□ i k□ có t□ i); "N'ayez d'intolérance que vis-à-vis de l'intolérance" (Ch□ nên không khoan dung đ□ i v□ i tính c□ ch□ p). Cũng có khi xung đ□ t đ□ n đ□ n nh□ ng tình hu□ ng x□ u không th□ nào c□ u vǎn đ□□ c: "La raison qui s'emporte a le sort de l'erreur" (Lý □ n□ i nóng có cùng s□ ph□ n v□ i sai □ m); "Le vin répandu ne sera pas recueilli" (R□□ u đã đ□ tràn s□ không thu □□ i đ□□ c).

Cu□ i cùng, m□ t s□ kinh nghi□ m trong □ ng x□ và bi□ n pháp đ□ p t□ t xung đ□ t đã đ□□ c đúc k□ t trong t□ c ng□ Pháp là: "Un sourire vaut mieux qu'une indignation" (M□ t n□ c□□ i đáng giá h□ n m□ t s□ ph□ n n□); "Il ne faut pas irriter les frelons" (Không đ□□ c kích thích ong b□ u, ý nói ng□□ i đang cáu gi□ n); "Petite pluie abat grand vent" (M□ a nh□ làm tan gió □ n = Đôi khi ch□ c□ n m□ t đi□ u nh□ cũng ngăn đ□□ c cu□ c cǎi c□); "Petit homme abat grand chêne - Et douce parole grande iei (colère)" (Con ng□□ i nh□ bé đ□ n h□ cây s□ i □□ n, và □□ i nói ng□ t ngào làm tan bi□ n c□ n gi□ n đ□); "Le meilleur remède des injures c'est de les maîtriser" (Li□ u thu□ c t□ t nh□ t đ□ ch□ a nh□ ng □□ i lǎng nh□ c là làm ch□ chúng) ; "Il ne faut pas jeter de l'huile sur le feu" (Ch□ quǎng đ□ u vào □ a); "Mieux vaut ployer que rompre" (U□ n cong h□ n b□ gãy); "Trop tirer rompt la corde" (Già néo đ□ t dây).

V□ m□ i quan h□ gi□ a xung đ□ t và s□ đùa c□ t, ch□ gi□ u, nhân dân Pháp cũng có nhi□ u câu t□ c ng□, có câu có ngu□ n g□ c t□ ti□ ng La-tinh (ch□ ng h□ n hai câu đ□ u trong s□ nh□ ng câu sau), nh□ ng ph□ n □□ n là t□ c ng□ c□ a chính ng□□ i Pháp: "Mieux vaut perdre l'occasion d'un bon mot qu'un ami" (M□ t đ□ p nói m□ t t□ hay h□ n là m□ t b□ n); "Une plaisanterie ne doit jamais être prise au sérieux" (Không bao gi□ đ□□ c coi m□ t s□ đùa c□ t là chuy□ n th□ t); "Au plaisanter, on connaît l'homme" (Qua đùa c□ t ng□□ i ta bi□ t ng□□ i); "La raillerie est l'épreuve de l'amour-propre" (Ch□ nh□ o là th□ thách lòng t□ ái); "Le ridicule déshonore plus que le déshonneur" (N□ c c□□ i khi□ n ng□□ i ta nh□ c nhǎ h□ n c□ n□ i nh□ c); "La comédie corrige les mœurs en riant" (Hài k□ ch s□ a ch□ a t□ p t□ c b□ ng cái c□□ i). Cũng có th□ k□ ra đây hai câu châm ngôn c□ a La Bruyère liên quan đ□ n s□ tình t□ c□ a vi□ c nói đùa và c□□ i nh□ o: "Il ne faut jamais hasarder la plaisanterie qu'avec des gens polis, ou qui ont de l'esprit" (Không bao gi□ đ□□ c th□ đùa c□ t ngoa□ tr□ v□ i nh□ ng ng□□ i □□ ch s□, ho□ c trí tu□); "La moquerie est de toutes les injures celle qui se pardonne le moins" (Trong t□ t c□ các hình th□ c lǎng nh□ c, ch□ nh□ o là hình th□ c ít đ□□ c tha th□ nh□ t).

Nh $\square$ th $\square$, v $\square$ n t $\square$ c ng $\square$ Pháp mà chúng tôi thu nh $\square$ t đ $\square$ c không đ $\square$ c $\square$ p đ $\square$ n vi $\square$ c ch $\square$ đ $\square$ c phép s $\square$ đ $\square$ ng tính hài h $\square$ c trong giao ti $\square$ p và nói năng v $\square$ i nh $\square$ ng m $\square$ i quan h $\square$ thân tình. Ng $\square$ c l $\square$ i, t $\square$ c ng $\square$ Pháp đ $\square$ c bi $\square$ t nh $\square$ n m $\square$ nh v $\square$ nh $\square$ ng nguy c $\square$ xung đ $\square$ t và nh $\square$ ng t $\square$ n th $\square$ t mà s $\square$ đ $\square$ uà c $\square$ t có th $\square$ g $\square$ y ra, và ph $\square$ m vi cho phép đ $\square$ c s $\square$ đ $\square$ ng s $\square$ c $\square$ t đ $\square$ uà l $\square$ i liên quan đ $\square$ n đ $\square$ i t $\square$ c ng giao ti $\square$ p: đó ph $\square$ i là nh $\square$ ng ng $\square$ c i "l $\square$ ch thi $\square$ p", "trí tu $\square$ ". Đây cũng là m $\square$ t đ $\square$ c tr $\square$ ng trong giao ti $\square$ p và nói năng c $\square$ a ng $\square$ c i Pháp: s $\square$ hài h $\square$ c, hóm h $\square$ nh. Ch $\square$ ng h $\square$ n t $\square$ câu t $\square$ c ng $\square$ r $\square$ t nghiêm túc này: "Les grands esprits se rencontrent" (T $\square$ t $\square$ c ng l $\square$ n g $\square$ p nhau), ng $\square$ c i Pháp đã sáng t $\square$ o ra câu t $\square$ c ng $\square$ sau, v $\square$ i m $\square$ t ý nghĩa vô cùng hóm h $\square$ nh và c $\square$ t đ $\square$ uà, nh $\square$ ng cũng th $\square$ t đ $\square$ ng đ $\square$ n: "Les grands esprits se rencontrent ... sur le chemin de l'imbécillité" (T $\square$ t $\square$ c ng l $\square$ n g $\square$ p nhau ... trên con đ $\square$ c ng ngu xu $\square$ n).

Thay l $\square$ i k $\square$ t

V $\square$ quan h $\square$ liên $\square$ ng hay xung đ $\square$ t, văn hoá $\square$ ng x $\square$ c $\square$ a Pháp và Vi $\square$ t Nam có s $\square$ đ $\square$ i l $\square$ p khá rõ r $\square$ t: m $\square$ t bên là văn hoá Vi $\square$ t Nam "dĩ hoà vi quý" và m $\square$ t bên là văn hoá Pháp l $\square$ y s $\square$ đ $\square$ i đ $\square$ u làm ni $\square$ m vui. Nh $\square$ ng đ $\square$ chênh đó có th $\square$ g $\square$ y ng $\square$ nh $\square$ n, th $\square$ m chí mâu thu $\square$ n, trong tình hu $\square$ ng giao ti $\square$ p liên văn hoá, n $\square$ u m $\square$ i bên ch $\square$ nh $\square$ n đ $\square$ nh nh $\square$ ng g $\square$ i x $\square$ y ra theo nh $\square$ n quan c $\square$ a mình và tin là mình đ $\square$ ng.

Tuy nhiên $\square$ đây đ $\square$ i chi $\square$ u văn hoá $\square$ ng x $\square$ không ph $\square$ i là (và cũng không th $\square$ là) tìm hi $\square$ u xem n $\square$ n văn hoá nào là "l $\square$ ch s $\square$ h $\square$ n", càng không th $\square$ đ $\square$ i đ $\square$ n k $\square$ t qu $\square$ x $\square$ p theo th $\square$ b $\square$ c cao th $\square$ p trên "thang giá tr $\square$ c $\square$ a các n $\square$ n văn hoá" (!). Có m $\square$ t ch $\square$ n lý đã đ $\square$ c các nhà nghiên c $\square$ u liên văn hoá xác đ $\square$ nh: văn hoá này không th $\square$ cao h $\square$ n hay th $\square$ p h $\square$ n văn hóa kia, mà gi $\square$ a chúng ch $\square$ có th $\square$ có s $\square$ khác nhau. Do m $\square$ i n $\square$ n văn hoá có nh $\square$ ng đ $\square$ i m chung, gi $\square$ ng các n $\square$ n văn hoá khác, đ $\square$ ng th $\square$ i cũng có nh $\square$ ng nét đ $\square$ c thù t $\square$ o nên b $\square$ n s $\square$ c, ta không th $\square$ đ $\square$ ng t $\square$ m $\square$ t góc đ $\square$ ch $\square$ quan (c $\square$ a dân t $\square$ c mình) đ $\square$ đánh giá và phê phán m $\square$ t n $\square$ n văn hoá khác, b $\square$ i vô hình trung s $\square$ r $\square$ i vào căn b $\square$ nh đã b $\square$ các nhà dân t $\square$ c h $\square$ c c $\square$ c l $\square$ c lên án, là luôn l $\square$ y dân t $\square$ c mình làm trung tâm (ethnocentrisme) .

T $\square$ li $\square$ u tham kh $\square$ o và ng $\square$ li $\square$ u

Kerbrat-Orecchioni C., Les Interactions verbales, T $\square$ p 3, NXB Armand Colin, Paris, 347 trang, 1994.

Maloux M., Dictionnaire des proverbes, sentences et maximes, NXB Larousse, 628 trang, 1960.

Montreynaud F., Dictionnaire de proverbes et dictons, Les Usuels du Robert, 638 trang, 1986

Vũ Ng $\square$ c Phan, T $\square$ c ng $\square$ ca dao dân ca Vi $\square$ t Nam, in l $\square$ n th $\square$ 10, NXB Khoa H $\square$ c Xã H $\square$ i, Hà N $\square$ i, 831 trang, 1994 (1956)